TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS - ST
Ngày 28 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương
2. Bà Vũ Thị Thu Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2022/TLST - DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Hữu T, sinh năm 1938; địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng D, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Thị K, sinh năm 1943;

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Ông Lương Hữu T, sinh năm 1938, (có mặt).

Đều ở địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Lương Hữu T (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị K) trình bày:

Ngày 05/10/2020, anh Nguyễn Trọng D đến nhà ông vay tiền, ông và anh D thỏa thuận thống nhất, ông cho anh D vay số tiền 125.000.000đ. Thời hạn vay từ ngày 05/10/2020 đến ngày 05/4/2021. Mục đích như anh D trình bày là để anh

D mua bò sữa chăn nuôi. Lãi suất theo thỏa thuận ngân hàng. Từ khi vay tiền cho đến nay, anh D mới trả lãi cho ông 7.000.000đ. Đã quá hạn trả nợ, ông nhiều lần yêu cầu anh D trả nợ nhưng anh D không trả.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh D phải trả nợ cho ông số tiền nợ gốc là 125.000.000đ. Ông không yêu cầu anh D phải trả tiền lãi.

- Bị đơn anh Nguyễn Trọng D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh D. Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh D không đến Tòa án làm việc. Chị Trần Thị T là vợ anh D trình bày anh D hiện đang đi làm dưới Hà Nội. Tòa án đề nghị chị T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh D dưới Hà Nội nhưng chị T trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh D dưới Hà Nội. Do vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh D và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, chính quyền địa phương cung cấp: Hiện tại anh Nguyễn Trọng D vẫn có hộ khẩu tại xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng hiện nay anh D không có mặt tại địa phương, tra cứu dữ liệu dân cư quốc gia không có thông tin hiện tại anh D đang tạm trú ở đâu. Việc anh D đi đâu, làm gì, ở đâu thì chính quyền địa phương không nắm được vì anh D không khai báo tạm vắng. Chính quyền địa phương cũng không nhận được đơn thư tố cáo liên quan đến hành vi vi phạm của anh D tại địa phương. Liên quan đến việc vay nợ giữa ông T với anh D thì chính quyền địa phương không nắm được vì đây là giao dịch dân sự giữa các cá nhân với nhau. Chính quyền địa phương đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm:

**** Về tố tụng:*** Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định cơ bản đúng tư cách tố tụng của đương sự, thực hiện việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định, các đương sự đều đã nhận được giấy triệu tập và văn bản tố tụng của tòa án. Các chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đầy đủ cho việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa không lý do.

*** Đường lối giải quyết vụ án:** căn cứ vào các Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Hữu T. Buộc anh Nguyễn Trọng D phải trả cho ông Lương Hữu T số tiền 125.000.000đồng (Một trăm hai lăm triệu đồng). Án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" giữa ông Lương Hữu T với anh Nguyễn Trọng D theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Trọng D, cư trú tại thôn K, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Trọng D, quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác minh tại địa phương nơi cư trú và người thân của anh D cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh D mặc dù người thân trình bày thỉnh thoảng anh D có về thăm gia đình nhưng không nói địa chỉ cụ thể cho gia đình biết. Như vậy việc bị đơn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc xác định tư cách tố tụng của đương sự: Khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đưa chị Trần Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày chị là vợ anh D nhưng anh D đi làm về không đưa tiền cho chị chi tiêu sinh hoạt gia đình, mọi việc lớn nhỏ trong gia đình đều do một mình chị lo liệu hết. Chị không biết anh D vay bao nhiêu tiền của ông T, vay thời gian nào và vay để làm gì, chị và các con không được sử dụng gì đến số tiền đó. Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Trọng D trả nợ. Do đó Hội đồng xét xử xác định chị Trần Thị T không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lương Hữu T yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Trọng D phải trả nợ số tiền là 125.000.000đồng (Một trăm hai lăm triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy vay tiền đề ngày 05/10/2020 thể hiện anh D vay ông T số tiền 125.000.000đ, lãi suất 2.000đ/1triệu/1tháng; thời hạn vay đến ngày 05/4/2021, anh D phải trả số tiền còn nợ cho ông T. Đến ngày 05/02/2022, anh D chưa trả được nợ cho ông T và tiếp tục viết "giấy khất nợ, nợ tiền" với nội dung là anh D nợ ông T số tiền 145.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 05/7/2022 thì anh D phải trả nợ cho ông T. Về phía anh D vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án chị T là vợ anh D có thừa nhận chữ ký, chữ viết "D- Nguyễn Trọng D" trong "Giấy vay

tiền mặt" đề ngày 05/10/2020 và "Giấy khất nợ, nợ tiền" đề ngày 05/02/2022 đúng là chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Trọng D. Chị T trình bày anh D có nói lại với chị T là hiện tại anh D vẫn còn nợ ông T 125.000.000đ. Do đó hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa ông T và anh D là hợp pháp.

Đối với bà Bùi Thị K là vợ ông T, quá trình giải quyết vụ án, bà K trình bày: Bà và ông T ở nhà làm ruộng, chăn nuôi, thu nhập hàng ngày thì cả hai vợ chồng vẫn đóng góp chung và tích cóp chung. Mặc dù ông T cho anh D vay số tiền 125.000.000đ bà không biết nhưng đó là tài sản chung vợ chồng, sau này ông T cũng đã nói cho bà biết, bà nhất trí với quan điểm khởi kiện của ông T. Phía ông T cũng thừa nhận số tiền 125.000.000đ là tài sản chung của ông và bà K. Từ những nhận định phân tích trên, có căn cứ để xác định anh D còn nợ ông T, bà K số tiền 125.000.000đ và đây là khoản vay của cá nhân anh D nên anh D phải có trách nhiệm trả nợ cho ông T bà K.

[3]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền ngày 05/10/2020, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2.000đ/1 triệu/1 tháng (2,4%/1 năm). Ông T thừa nhận từ ngày vay tiền đến tháng 5/2022, anh D mới trả cho ông được 7.000.000đ tiền lãi, từ đó đến nay anh D chưa trả cho ông được thêm đồng lãi nào. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T không yêu cầu anh D trả lãi nữa, mà chỉ yêu cầu anh D trả nợ cho ông số tiền gốc là 125.000.000đ. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với căn cước công dân số 026082003786 mang tên Nguyễn Trọng D và giấy phép lái xe số AK 639457 mang tên Nguyễn Trọng D, ông T trình bày, ngày 05/12/2020, khi vay tiền anh D có đưa cho ông T căn cước công dân và giấy phép lái xe nêu trên nhưng ông T phô tô và đã trả lại ngay bản gốc cho anh D lúc đó, ông T chỉ giữ bản phô tô. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Trọng D phải chịu án phí 5% giá trị tài sản tranh chấp là 125.000.000đồng x 5% = 6.250.000đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Lương Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Hữu T.

Buộc anh Nguyễn Trọng D phải trả cho ông Lương Hữu T số tiền 125.000.000đồng (Một trăm hai lăm triệu đồng).

Kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, anh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi

suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Trọng D phải chịu 6.250.000đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

3. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh